

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2014

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần 482 (Joint - Stock Company No 482)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900324346
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 155 Trường Chinh - TP Vinh - Nghệ An.
- Số điện thoại: 038.3853200
- Số fax: 038.3854701
- Website: <http://www.Congty482.com.vn>
- Mã cổ phiếu: B82

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Ngày thành lập: Công ty thành lập ngày 19/02/1983
- Thời điểm niêm yết: Ngày 07/03/2008
- Các mốc sự kiện quan trọng:
 - Công ty cổ phần 482 tiền thân vốn là Xí nghiệp Đường sắt 769 có nhiệm vụ đảm bảo giao thông (đường sắt và đường bộ) vùng khu bốn cũ từ Nghệ An đến Quảng Bình trong cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ra Miền Bắc. Đến năm 1982, Công ty đổi tên thành Xí nghiệp Đường sắt 482 trực thuộc Liên hiệp xí nghiệp Giao thông 4.
 - Năm 1992, Xí nghiệp Đường sắt 482 chuyển đổi thành Công ty Công trình giao thông 482 – Tổng công ty xây dựng Công trình giao thông miền Trung (Nay là Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4).
 - Ngày 29/4/2004, Bộ giao thông vận tải ra quyết định số 1226/QĐ-BGTVT về việc chuyển đổi Công ty công trình giao thông 482 thành Công ty cổ phần xây dựng công trình 482 – Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4. Công ty cổ phần xây dựng công trình 482 chính thức đi vào hoạt động từ ngày 16/12/2004 với số vốn điều lệ là 8 tỷ đồng, trong đó, Nhà nước nắm giữ 51%, cán bộ công nhân viên và cổ đông bên ngoài nắm 49%.
 - Ngày 06/4/2007, Đại hội đồng cổ đông lần thứ 2 của Công ty cổ phần xây dựng công trình 482 quyết định phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 15 tỷ đồng.
 - Ngày 08/12/2007, Công ty cổ phần xây dựng công trình 482 tổ chức Đại hội cổ đông bất thường. Đại hội đồng cổ đông quyết định đổi tên Công ty thành Công ty cổ phần 482 cho phù hợp với ngành nghề kinh doanh mới của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000455 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 16/12/2004, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 11/12/2007. Đại hội đồng cổ đông cũng quyết định niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội..

- Ngày 07/03/2008, Công ty cổ phần 482 được Trung tâm giao dịch chứng khoán chấp thuận niêm yết cổ phiếu.
- Ngày 17/03/2008, Công ty cổ phần 482 chính thức giao dịch 1,5 triệu cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cp) trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là B82.
- Ngày 23/02/2010, Công ty cổ phần 482 được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 517/UBCK – GCN, chấp thuận kế hoạch chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 15 tỷ đồng lên 30 tỷ đồng.
- Ngày 13/08/2010, Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.
- Ngày 26/08/2010, Công ty cổ phần 482 chính thức giao dịch 1,5 triệu cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cp) niêm yết bổ sung trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, tổng số lượng cổ phiếu niêm yết là 3.000.000 cổ phiếu.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- *Ngành nghề kinh doanh:*

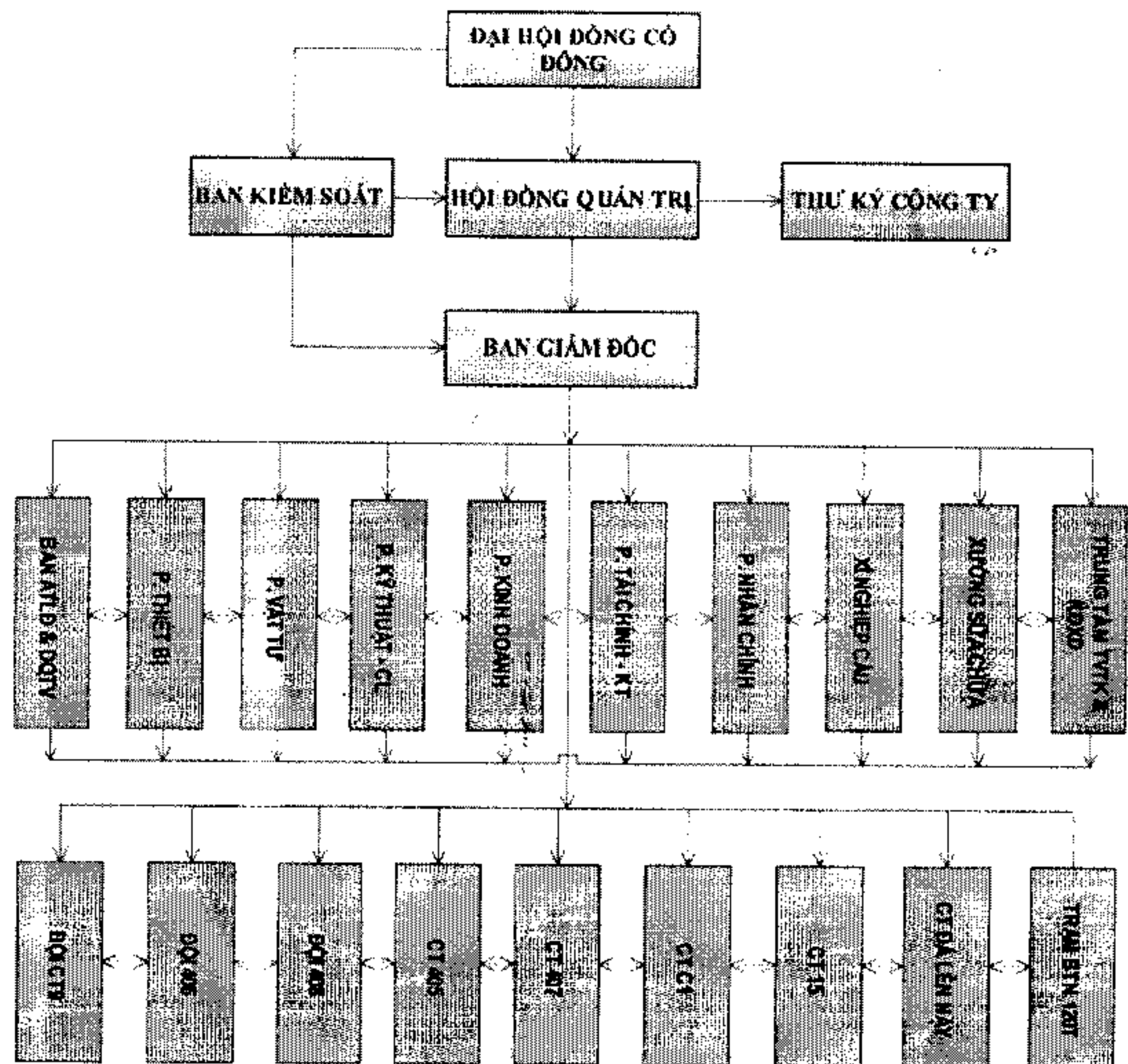
- + Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- + Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- + Vận tải hành khách đường bộ khác;
- + Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ;
- + Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa;
- + Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- + Sản xuất các cấu kiện kim loại: thùng, bể chứa và dụng cụ chứa bằng kim loại;
- + Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, quặng kim loại hiếm;
- + Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không;
- + Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- + Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trong nước)

- Địa bàn kinh doanh: Với đặc thù là đơn vị thi công các công trình giao thông nên Công ty CP 482 có địa bàn kinh doanh rộng khắp các tỉnh thành trên cả nước.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị của Công ty: Bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành (đứng đầu là Giám đốc, các Phó Giám đốc và các Trưởng phòng, Giám đốc Chi nhánh).

- Cơ cấu tổ chức của công ty:



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu:

+ Tăng cường năng lực thiết bị, công nghệ thi công, tích cực áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, nâng cao năng lực kinh doanh, năng lực cạnh tranh, chủ động hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

+ Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực để bảo đảm chất lượng, số lượng với trình độ học vấn, tay nghề, có năng lực quản lý, điều hành và ứng dụng công nghệ mới.

+ Đầu tư một cách hiệu quả vào các lĩnh vực tài chính, chung cư.

+ Hoàn thành các mục tiêu về tiến độ thi công các dự án đã trúng thầu và các dự án đầu tư.

+ Có các bước đi thích hợp để nâng cao hiệu quả công tác thu hút vốn đầu tư từ thị trường chứng khoán để nâng vốn điều lệ, mở rộng qui mô hoạt động kinh doanh.

+ Bảo đảm đời sống vật chất ổn định, đời sống văn hoá tinh thần phong phú.

- Chiến lược phát triển của B82:

+ Xây dựng Công ty Cổ phần 482 thành công ty phát triển kinh doanh đa ngành đa nghề, đa sản phẩm ổn định, vững chắc, đảm bảo kinh doanh hiệu quả. Lấy ngành nghề xây lắp làm chủ đạo. Không ngừng nâng cao đời sống, thu nhập cho CBCNV,... đưa Công ty Cổ phần 482 phát

triển toàn diện, đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và nước ngoài khẳng định thương hiệu mã chứng khoán B82.

+ Duy trì mức tăng trưởng hàng năm đạt 10% -:- 15%.

+ Khai thác tiềm năng của thị trường chứng khoán. Huy động vốn cho SXKD phù hợp với từng thời điểm bằng việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu chuyển đổi tăng vốn điều lệ đảm bảo đúng quy định của Pháp luật.

+ Khai thác tối đa vị trí địa lý khu đất cơ quan.

+ Hằng năm tùy vào điều kiện cụ thể HĐQT đề ra các sách lược và kế hoạch phù hợp đảm bảo sự phát triển bền vững.

6. Các rủi ro

Trong tình hình khủng hoảng kinh tế toàn cầu như hiện nay, Công ty đối mặt với rất nhiều thách thức và rủi ro từ:

- Chính sách tín dụng luôn thay đổi ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư của Công ty.
- Do xây dựng các công trình có thời gian bảo hành dài, đối với các hợp đồng không điều chỉnh giá thì giá nguyên vật liệu thay đổi ảnh hưởng rất lớn đến lợi nhuận của doanh nghiệp.
- Chính sách pháp luật thay đổi ảnh hưởng đến chiến lược đầu tư của công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

TT	CHỈ TIÊU	DVT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN
1	Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	≥ 700	815,386
2	Doanh thu	Tỷ đồng	≥ 650	719,321
3	Lợi nhuận thực hiện (trước thuế)	Tỷ đồng	≥ 12	4,431
4	Lợi nhuận thực hiện (sau thuế)	Tỷ đồng	≥ 9,36	3,382
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện sau thuế/vốn CSH (44,401 tỷ đồng)	%	≥ 19,94	7,6
6	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện sau thuế/vốn Điều lệ	%	≥ 31,2	11,3
7	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	Đầy đủ	13,649
8	Nguyên giá tài sản cố định hữu hình	Tỷ đồng	154,018	140,229
9	Đầu tư tài sản mua sắm thiết bị	Tỷ đồng	≥ 30	17,330
10	Thu khấu hao TSCĐ trong năm	Tỷ đồng	10-:-12	12,072
11	Khấu hao TSCĐ lũy kế	Tỷ đồng	≥ 85	84,701
12	Giá trị tài sản cố định còn lại	Tỷ đồng	≥ 68	55,519
13	Nợ Ngân hàng (ngắn hạn và dài hạn) và các đối tượng khác	Tỷ đồng	< 70	73,947
14	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	≥ 1	1,12
15	Thu nhập bình quân người lao động	Trđ/ng/tháng	≥ 8,5	8,619
16	Trả cổ tức năm 2013	%	≥ 12	12,0

2. Tổ chức và nhân sự hiện nay:

- Danh sách Ban lãnh đạo:

* Ông: **Lê Hòa Nguyễn** - UV HĐQT, Giám đốc Công ty

Số cổ phần nắm giữ: 254.908 cổ phần, chiếm 8,50% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 254.908 cổ phần

* Ông: **Cao Hoài Thanh** - UV HĐQT, Phó Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ: 45.382 cổ phần, chiếm 1,50% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 45.382 cổ phần

Người có liên quan:

+ Vợ: **Trần Thị Thảo**

+ Số cổ phần nắm giữ: 534 cổ phần

* Ông: **Lâm Hoàng Linh** - Phó Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ: 15.229 cổ phần, chiếm 0,5% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 15.229 cổ phần

* Ông: **Đặng Văn Khoa** – UV HĐQT, Phó Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ: 65.100 cổ phần, chiếm 2,20% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 65.100 cổ phần

* Ông: **Hoàng Quyết Chiến** - Phó Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ: 336.046 cổ phần, chiếm 11,20% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 336.046 cổ phần

- Những thay đổi trong ban điều hành:

+ Ban giám đốc gồm 05 thành viên gồm: Ông Lê Hòa Nguyễn – Giám đốc công ty; 04 phó giám đốc gồm: Ông Cao Hoài Thanh, ông Lâm Hoàng Linh, Ông Đặng Văn Khoa, ông Hoàng Quyết Chiến (bổ nhiệm ngày 01/01/2015).

+ Trong năm HĐQT công ty đã bổ nhiệm mới bộ máy điều hành: 02 Trưởng phòng, 02 phó phòng, 01 phó ban, 01 Đội trưởng, 02 Đội phó, 02 Chỉ huy trưởng, 02 Chỉ huy phó, 01 Xưởng phó.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 556 người. Thực hiện trả lương và các chế độ khác cho người lao động theo Luật lao động, Thỏa ước lao động tập thể và các quy chế quản lý nội bộ do Công ty ban hành.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Thực hiện Nghị quyết 11 của Chính phủ, năm 2014 Công ty CP 482 tiếp tục tạm thời dừng thực hiện các dự án đầu tư.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2013 (Triệu đồng) (đã điều chỉnh)	Năm 2014 (Triệu đồng)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	418.216	492.253	117,7%
Doanh thu thuần	729.267	719.321	98,6%

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.600	5.398	71,0%
Lợi nhuận khác	2.025	-967	-47,8%
Lợi nhuận trước thuế	9.625	4.431	46,0%
Lợi nhuận sau thuế	7.056	3.284	46,5%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	14%	(dự kiến)10%	71,4%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	0,99	0,99
+ Hệ số thanh toán nhanh TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	Lần	0,35	0,32
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số: Nợ / Tổng tài sản	Lần	0,89	0,91
+ Hệ số: Nợ / Vốn chủ sở hữu	Lần	7,89	9,86
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	Lần	2,92	2,5
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	Lần	1,73	1,46
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu	%	0,89	0,50
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	13,72	7,40
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	1,54	0,70
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD / Doanh thu thuần	%	1,04	0,80

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần của Công ty đang lưu hành là: 3.000.000 CP phổ thông, không có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng.

b) Cơ cấu cổ đông:

Căn cứ vào danh sách cổ đông chốt tại ngày 17/03/2015 của Trung tâm lưu ký Chứng khoán VN:

Danh mục	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
I. Tổng số vốn Điều lệ	3.000.000	30.000.000.000	100%
1. Cổ đông Nhà nước	0	0	0%
2. Cổ đông đặc biệt	1.043.132	10.431.320.000	34,8%

- Ban kiểm soát	101.763	1.017.630.000	3,4%
3. Cổ đông nước ngoài	5.900	171.400.000	0,20%
- Cá nhân	500	5.000.000	0,0%
- Tổ chức	5.400	54.000.000	0,2%
4. Cổ đông khác	1.950.968	19.509.680.000	65%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2014: Không.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:

Các chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
		2013	2014	2014
Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	844,586	≥ 700	815,386
Doanh thu	Tỷ đồng	723,766	≥ 650	719,321
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	> 8,799	≥ 12	4,431
Nộp ngân sách	Tỷ đồng	10,183	Đầy đủ	13,649
Đầu tư TS mua sắm thiết bị	Tỷ đồng	24,936	≥ 30	17,330
Thu khấu hao TSCĐ	Tỷ đồng	9,545	10-:-12	12,035
Thu nhập người lao động	Đồng/ng/tháng	8.149.000đ	≥ 8,5	8,619

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- + Hoàn thành vượt các chỉ tiêu Kinh tế xã hội cơ bản đã được nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra.
- + Đảm bảo hoạt động SXKD ổn định và không ngừng phát triển.
- + Đầu tư thiết bị đúng hướng và khai thác hiệu quả góp phần đẩy nhanh tiến độ thi công trên các công trình.
- + Duy trì và không ngừng cải tiến hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008
- + Khối lượng công việc năm trước chuyển qua cơ bản đảm bảo đủ việc làm cho 2014. Ngoài ra Lãnh đạo Công ty đã chủ động tìm đủ công việc cho năm 2014 và gói đầu cho các năm tiếp theo.
- + Khắc phục khó khăn về tài chính, đáp ứng đủ vốn thi công và thanh toán lương tương đối kịp thời cho người lao động.
- + Nội bộ Công ty có sự đoàn kết thống nhất cao từ Ban giám đốc đến người lao động.
- + Các phòng ban nghiệp vụ thực hiện tương đối tốt chức năng nhiệm vụ của mình.
- + Thường xuyên phát động các chiến dịch thi đua sản xuất trên các công trường phù hợp với từng thời điểm, từng công trình.

2. Tình hình tài chính

a/ Tình hình tăng giảm tài sản cố định

- Nguyên giá tài sản cố định trong năm : 140,299 tỷ

- Đã khấu hao	:	84,710 tỷ
- Giá trị còn lại	:	55,571 tỷ
- Tài sản cố định đầu tư trong kỳ	:	17,330 tỷ
b/ Tình hình công nợ:		
- Công nợ phải thu	:	95,176 tỷ
- Hàng tồn kho (Dở dang + NVL tồn kho)	:	291,895 tỷ
- Công nợ phải trả	:	447,851 tỷ
<u>Trong đó:</u> + Vay và nợ ngắn hạn	:	125,282 tỷ
+ Vay và nợ dài hạn.	:	10,181 tỷ

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

3.1. Công tác phát triển nguồn lực:

- Tuyển dụng cán bộ chuyên ngành trình độ chuyên môn giỏi, có tâm, có chí hướng với nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty, khuyến khích tinh thần tự học nâng cao trình độ.

- Đào tạo, đào tạo lại nâng cao tay nghề lực lượng lao động hiện có; tuyển dụng công nhân lành nghề, đặc biệt ưu tiên cho công nhân cầu đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong xu thế hội nhập, 100% công nhân kỹ thuật được đào tạo và nâng bậc thợ, được học an toàn lao động theo đúng kế hoạch.

3.2. Công tác tìm kiếm việc làm:

- Chủ động trong tìm kiếm việc làm cho doanh nghiệp, người lao động đủ việc làm.
- Tham gia đấu thầu các dự án có vốn nước ngoài (ODA, WB, JICA, ADB), dự án trái phiếu Chính Phủ, ngân sách Nhà nước được ưu tiên cấp vốn, nâng cao chất lượng công tác đấu thầu

- Hết sức tranh thủ sự ủng hộ tạo điều kiện nguồn việc làm từ Tổng Công ty.
- Xây dựng cơ chế ưu đãi với cá nhân và tập thể tham gia tìm kiếm việc làm.

3.3. Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất:

- Không ngừng kiện toàn, đổi mới và sắp xếp bộ máy cán bộ điều hành từ công ty đến cấp đội, công trường;

- Không ngừng đổi mới, cải tiến công tác quản lý điều hành sản xuất. Tăng cường công tác quản lý nâng cao hiệu quả trong SXKD. Đặc biệt tập trung chỉ đạo thực hiện công tác khoán cấp đội, thực hiện khoán đến người lao động.

- Cán bộ các phòng, ban cần đổi mới tư duy, chủ động sáng tạo, bám sát hiện trường để nắm bắt công việc, đặc biệt là công tác chất lượng, dự toán, công tác quản lý cơ sở,

- Nâng cao tính sáng tạo chủ động của cấp đội trong điều hành sản xuất trên các công trường. Chủ động giải quyết tháo gỡ những vướng mắc: Giải quyết nguồn vật liệu, thiết bị máy móc hư hỏng, thuê mướn thiết bị, quan hệ với các đối tác liên quan ...

- Tập trung giải quyết dứt điểm công tác điều chỉnh, bù giá dự toán các gói thầu, thanh quyết toán các công trình đã hoàn thành. Khẩn trương nghiệm thu thanh toán các khối lượng hoàn thành nhằm nhanh chóng thu hồi vốn.

3.4. Công tác khoán cấp đội

Đây là nội dung cần tập trung chỉ đạo thực hiện tốt ngay từ đầu năm, nhằm tăng cường công tác quản lý, phát huy tính chủ động sáng tạo của cấp đội nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty. Cụ thể:

- Bổ sung hoàn thiện quy chế khoán, các quy trình liên quan phù hợp. Đổi mới cách giao khoán đảm bảo triển khai nhanh, thiết thực và hiệu quả.

- Xây dựng kế hoạch khoán cụ thể cho tất cả các công trình và có sự chỉ đạo quyết liệt.

3.5. Công tác quản lý kỹ thuật và chất lượng công trình:

- Tăng cường công tác quản lý chất lượng, vai trò chỉ đạo, điều hành kiểm soát thi công tại các công trường của phòng kỹ thuật, các kỹ thuật viên cấp đội, có thể thi kiểm tra nghiệp vụ quy trình quản lý kỹ thuật thi công đối với cán bộ kỹ thuật từ cấp đội đến văn phòng. Thực hiện tốt chức năng điều hành, chỉ đạo, kiểm tra giám sát, kịp thời xử lý mọi sự cố xảy ra trong quá trình thi công, tham mưu đẩy nhanh tiến độ, giám sát chất lượng.

- Nâng cao chất lượng thiết kế biện pháp TCTC nội bộ, công tác thí nghiệm, làm hồ sơ hoàn công. Kiên quyết kỷ luật đối với cá nhân, tập thể thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình gây thiệt hại cho Công ty.

3.6. Công tác quản lý thiết bị, vật tư:

- Tăng cường khâu quản lý, khai thác có hiệu quả thiết bị nhất là các thiết bị đặc chủng.

- Điều độ thiết bị hợp lý, khai thác hiệu quả.

- Sửa đổi bổ sung quy chế quản lý thiết bị phù hợp với quy mô đầu tư và thiết bị mới.

- Quản lý tốt các vật tư đặc chủng, thiết bị nhỏ lẻ, cần có kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ.

- Tăng cường công tác quản lý vật tư vật liệu các công trình về giá cả, khối lượng. Cần chú trọng trong quản lý ca xe máy hoạt động, sử dụng nhiên liệu.

- Nâng cao năng lực lập kế hoạch thi công, kế hoạch sử dụng thiết bị, vật tư trước khi thi công để sử dụng hợp lý, hiệu quả nhiên, nguyên vật liệu và máy móc thiết bị.

3.7. Công tác tài chính

- Thực hiện quy trình thanh toán, vay và hoàn chứng từ theo quy định về quy chế tài chính của Công ty cũng như chuẩn mực kế toán đã quy định, có các biện pháp chế tài cụ thể như trừ lương, phê bình hoặc cảnh cáo đối với các trường hợp cố tình làm trái với các quy định của Công ty;

- Kết hợp chặt chẽ với các phòng ban nghiệp vụ và đội thi công để có các biện pháp thu hồi công nợ của các khách hàng một cách hiệu quả nhất.

- Hướng dẫn thống kê đội nâng cao công tác nghiệp vụ và theo dõi chi phí công trình một cách khoa học và phù hợp với đặc thù kinh doanh của Công ty.

3.8. Công tác an toàn lao động và vệ sinh môi trường

- Nâng cao hơn nữa nhận thức, trách nhiệm về công tác ATLĐ và vệ sinh môi trường cho mọi cán bộ CNV toàn công ty.

- Ban ATLĐ tăng cường công tác tập huấn, kiểm tra, xử lý việc thực hiện ATLĐ-VSMT và chăm lo đời sống người lao động tại công trường. Kiên quyết xử lý những cá nhân, tập thể không nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về an toàn, vệ sinh lao động.

Trên đây là toàn bộ báo cáo công tác sản xuất kinh doanh năm 2014 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015.

Giám đốc Công ty kêu gọi các đơn vị, CBCNV phát huy kết quả đã đạt được, đẩy mạnh phong trào thi đua rộng khắp trên các công trường, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ SXKD

Quý I và kế hoạch năm 2015, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi tập thể, mỗi cá nhân theo chức năng nhiệm vụ được giao, góp phần đưa Công ty Cổ phần 482 phát triển bền vững.

3.9. Một số vấn đề khác:

- Không ngừng áp dụng, cải tiến hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008. Đưa công tác quản lý, điều hành, tổ chức sản xuất đi vào nề nếp, quy củ;

- Thực hiện tốt các chỉ đạo của Tổng công ty trong việc xây dựng, phát triển thương hiệu của Công ty CP 482 nói riêng và Tổng công ty XDCTG4 nói chung;

- Đẩy mạnh phong trào TDDT và văn nghệ quần chúng, cải thiện tối đa điều kiện sống và làm việc cho CBCNV;

- Công đoàn, Đoàn thanh niên phát động phong trào thi đua trên tất cả các công trình, tăng ca, tăng kíp, tăng hiệu suất lao động, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2015.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Công ty CP 482 có bề dày lịch sử hoạt động, là đơn vị có đủ sức mạnh nội lực về nguồn nhân lực, tài chính và đã chọn đúng chiến lược kinh doanh trong quá trình hoạt động.

- Trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế toàn cầu suốt hơn 3 năm qua, nhưng công ty vẫn có thể đứng vững và vượt qua được cơn bão suy thoái, kế hoạch năm nay cao hơn năm trước và hoàn thành được các chỉ tiêu được giao, điều đó chứng minh sự vững vàng trong hoạch định chiến lược và đội ngũ CBCNV đều tay, triển khai Kế hoạch SXKD một cách tốt nhất.

- Tập thể HĐQT, Ban giám đốc và toàn thể CBCNV Công ty CP 482 là một khối đoàn kết thống nhất từ ý chí đến hành động, tất cả đều chung tay xây dựng công ty phát triển vững mạnh

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Đối với Ban giám đốc Công ty, HĐQT tin tưởng vào năng lực lãnh đạo và phẩm chất đạo đức của từng cá nhân, cụ thể Ban giám đốc đã:

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện những chiến lược mà HĐQT đề ra một cách nhanh chóng, đúng hướng và hiệu quả.

- Linh hoạt trong quá trình điều hành, đảm bảo kết quả thực hiện đúng mục tiêu đề ra. Trong đó điều quan trọng nhất là Ban GD đã xây dựng được đội ngũ CBQL cấp trung và đội ngũ nhân sự giỏi nghề, đáp ứng yêu cầu công việc.

- Báo cáo trung thực mọi hoạt động của Ban điều hành và hoạt động của công ty cho HĐQT theo định kỳ và bất kỳ khi nào cần thiết.

- Công khai minh bạch thông tin, kịp thời, chính xác.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

+ Phân công nhiệm vụ cụ thể, hợp lý cho các UVHĐQT đề cao tinh thần trách nhiệm và tính chủ động trong công việc, nâng cao hiệu quả quản lý.

+ Phối hợp chặt chẽ HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát giữ vững đoàn kết nội bộ. Chỉ đạo kiên quyết, linh hoạt và tạo điều kiện tối đa để Ban giám đốc phát huy vai trò trong điều hành.

+ Kiện toàn cơ cấu tổ chức, bộ máy điều hành từ công ty đến cấp đội, ổn định sản xuất hiệu quả. Tập trung nâng cao hiệu quả tại các bộ phận có sự đầu tư lớn nhằm đưa lại hiệu quả tối đa cho công ty.

+ Chỉ đạo thực hiện tốt công tác khoán và quyết toán cấp đội.

+ Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát tăng cường công tác kiểm soát, kiểm tra nội bộ để kịp thời chấn chỉnh, xử lý các sai phạm.

+ Kết hợp linh hoạt, hài hoà nội lực trong công ty và các nguồn lực bên ngoài để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh đưa lại hiệu quả.

+ Có chiến lược, cơ chế thu hút, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng bổ sung cho nguồn cán bộ của công ty đáp ứng nhu cầu công việc và sự phát triển ổn định của công ty.

+ Chủ động trong tìm kiếm việc làm cho doanh nghiệp, người lao động đủ việc làm. Tham gia thị trường chứng khoán đúng hướng và khai thác có hiệu quả.

+ Tuyên truyền đi sâu vào nhận thức, ý thức trách nhiệm của CBCNV đối với tập thể, tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí, đảm bảo giữ vững kỷ luật từ cán bộ quản lý cấp công ty đến người công nhân tại các đội sản xuất.

+ Tuyên truyền, học tập và thực hiện nghiêm túc công tác an toàn lao động và vệ sinh môi trường, không để xảy ra vụ tai nạn lao động nghiêm trọng nào.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

* Ông: **Nguyễn Trọng Cẩm** – Chủ tịch HĐQT

Số cổ phần nắm giữ: 224.604 cổ phần, chiếm 7,50% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 224.604 cổ phần

Người có liên quan:

+ Con ruột: **Nguyễn Mạnh Cường**

+ Số cổ phần đang nắm giữ: 9.900 cổ phần

* Ông: **Lê Hòa Nguyễn** - UV HĐQT, Giám đốc Công ty

Số cổ phần nắm giữ: 254.908 cổ phần, chiếm 8,50% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 254.908 cổ phần

* Ông: **Cao Hoài Thanh** - UV HĐQT, Phó Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ: 45.382 cổ phần, chiếm 1,50% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 45.382 cổ phần

Người có liên quan:

+ Vợ: **Trần Thị Thảo**

+ Số cổ phần nắm giữ: 534 cổ phần

* Ông: **Đặng Văn Khoa** – UV HĐQT, Phó Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ: 65.100 cổ phần, chiếm 2,20% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần

+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 65.100 cổ phần

b) Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Thư ký công ty.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị: 10 buổi

- Nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị:

+ Kế hoạch, mục tiêu nhiệm vụ SXKD năm 2014, giải pháp thực hiện

+ Công tác đầu tư, thiết bị

+ Đơn giá tiền lương 2014

+ Xây dựng định mức nhân công nội bộ

+ Kế hoạch đào tạo và tuyển dụng 2014

+ Công tác kiện toàn cơ cấu tổ chức, bổ nhiệm cán bộ

+ Xây dựng định biên gián tiếp tại các Phòng ban, đơn vị

+ Kế hoạch tiết giảm chi phí quản lý trong năm 2014

+ Sửa đổi, bổ sung nội qui, qui chế nội bộ

+ Công bố thông tin về hoạt động của Công ty theo qui định của UBCK NN

+ Một số công tác khác.

d) Hoạt động của tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và cập nhật các thông tin cho các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;

- Soạn thảo văn bản, Nghị quyết của HĐQT;

- Công bố thông tin đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

* Ông: **Lại Văn Hữu** – Trưởng Ban kiểm soát

- Số cổ phần nắm giữ: 45.021 cổ phần, chiếm 1,50% vốn điều lệ

- Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần

+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 45.021 cổ phần

- Người có liên quan:

+ Em ruột: Ông **Lại Ngọc Thủy**

+ Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 1.796 cổ phần

* Ông: **Dương Lê Tĩnh** – Ủy viên Ban kiểm soát

- Số cổ phần nắm giữ: 10.682 cổ phần, chiếm 0,36% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần

+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 10.682 cổ phần

- Người có liên quan:

+ Vợ: Bà **Nguyễn Thị Thủy**

+ Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 1.380 cổ phần

* Bà: **Hoàng Thị Mận** – Ủy viên Ban kiểm soát

- Số cổ phần nắm giữ: 46.060 cổ phần, chiếm 1,50% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần

+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 46.060 cổ phần

b) *Hoạt động của Ban kiểm soát:*

Trông năm 2014 Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp có nội dung chủ yếu:

- Về việc giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội ĐCĐ và HĐQT; kiểm tra công tác quản lý điều hành tại các Phòng ban, đơn vị.

- Kiểm tra việc thực hiện quy định về đầu tư mua sắm thiết bị tại công ty

- Kiểm tra về Công tác quản lý điều hành tại công trường

- Thẩm định báo cáo Tài chính 6 tháng và năm 2014 của công ty

- Kiểm tra việc nắm giữ cổ phần của cán bộ quản lý Tại công ty

- Giám sát việc thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của các Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, các cán bộ quản lý khác theo qui định tại điều lệ Công ty, và qui định của Pháp luật; Kết quả các đợt kiểm tra BKS đều có báo cáo HĐQT, BGD, các thành phần liên quan để chỉ đạo khắc phục các vấn đề tồn tại.

3. *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát:*

a) *Các khoản thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban Kiểm soát:*

Đã chi trả thù lao HĐQT (4 người) và BKS (3 người) với số tiền 263.920.000 (tương ứng 80% mức thù lao ĐHCĐ năm 2014 thông qua)

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:*

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Trọng Cẩm	Chủ tịch HĐQT	30.604	1%	224.604	7,50%	Tăng số lượng sở hữu cổ phiếu
2	Lê Hòa Nguyễn	Giám đốc	54.908	1,83%	254.908	8,50%	Tăng số lượng sở hữu cổ phiếu
3	Cao Hoài Thanh	UV HĐQT – Phó GD	15.382	0,51%	45.382	1,50%	Tăng số lượng sở hữu cổ phiếu
4	Đặng Văn Khoa	UV HĐQT – Phó GD	15.100	0,50%	65.100	2,20%	Tăng số lượng sở hữu cổ phiếu
5	Hoàng Quyết Chiến	Phó Giám đốc	6.046	0,20%	336.046	11,20%	Tăng số lượng sở hữu cổ phiếu
6	Lại Văn Hữu	Trưởng BKS	15.021	0,51%	45.021	1,50%	Tăng số lượng sở hữu cổ phiếu
7	Hoàng Thị Mận	TV BKS	6.060	0,20%	46.060	1,50%	Tăng số lượng sở hữu cổ phiếu

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty tuân thủ và thực hiện đúng các quy định về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo báo cáo kiểm toán số Số: 384/2015/BC.TC-AASC.KT3 ngày 20 tháng 03 năm 2015 của Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC): "Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần 482 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		433.265.239.401	363.408.038.848
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	18.427.737.066	14.826.738.476
111	1. Tiền		13.394.737.066	1.762.266.341
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.033.000.000	13.064.472.135
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	2.000.000.000	2.000.009.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		2.000.000.000	2.000.009.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		95.176.382.409	101.260.681.317
131	1. Phải thu của khách hàng		72.457.568.803	80.622.532.033
132	2. Trả trước cho người bán		11.253.186.733	15.259.902.134
135	5. Các khoản phải thu khác	6	12.813.048.818	6.672.509.375
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.347.421.945)	(1.294.262.225)
140	IV. Hàng tồn kho	7	291.895.603.572	229.402.718.021
141	1. Hàng tồn kho		291.895.603.572	229.402.718.021
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		25.765.516.354	15.917.892.034
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	25.765.516.354	15.917.892.034
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		58.987.918.666	54.808.574.886
220	II. Tài sản cố định		55.571.121.321	51.270.476.581
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	55.519.176.877	50.223.736.682
222	- Nguyên giá		140.229.806.196	124.018.654.689
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(84.710.629.319)	(73.794.918.007)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	51.944.444	73.194.444
228	- Nguyên giá		85.000.000	85.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(33.055.556)	(11.805.556)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	-	973.545.455
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	1.935.898.000	1.935.898.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		1.935.898.000	1.935.898.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.480.899.345	1.602.200.305
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.480.899.345	1.602.200.305
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		492.253.158.067	418.216.613.734

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		447.851.976.676	370.674.613.050
310	I. Nợ ngắn hạn		437.670.326.450	366.635.677.095
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	125.282.948.379	72.346.948.711
312	2. Phải trả người bán		199.136.674.102	144.092.148.462
313	3. Người mua trả tiền trước		62.053.074.716	49.761.440.758
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	3.184.888.556	7.401.939.489
315	5. Phải trả người lao động		5.619.147.789	13.464.556.489
316	6. Chi phí phải trả	16	544.520.213	1.124.035.524
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	41.849.072.695	78.444.607.662
330	II. Nợ dài hạn		10.181.650.226	4.038.935.955
333	3. Phải trả dài hạn khác		965.036.139	997.936.629
334	4. Vay và nợ dài hạn	18	9.035.728.589	1.150.665.181
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		180.885.498	1.890.334.145
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		44.401.181.391	47.542.000.684
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	44.401.181.391	47.542.000.684
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		30.000.000.000	30.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.016.189.000	4.016.189.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		4.608.845.239	4.594.450.478
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1.874.965.761	1.874.965.761
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.901.181.391	7.056.395.445
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		492.253.158.067	418.216.613.734

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	719.321.790.143	729.267.213.973
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		719.321.790.143	729.267.213.973
11	4. Giá vốn hàng bán	21	676.312.001.658	692.429.462.790
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		43.009.788.485	36.837.751.183
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	518.559.292	588.244.164
22	7. Chi phí tài chính	23	17.432.825.483	12.179.900.645
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		17.403.614.069	12.170.302.788
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	20.697.120.544	17.645.886.161
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.398.401.750	7.600.208.541
31	11. Thu nhập khác	25	932.474.153	3.030.622.663
32	12. Chi phí khác	26	1.899.720.120	1.005.259.464
40	13. Lợi nhuận khác		(967.245.967)	2.025.363.199
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.431.155.783	9.625.571.740
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	1.147.175.649	2.569.176.295
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.283.980.134	7.056.395.445
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	1.095	2.352

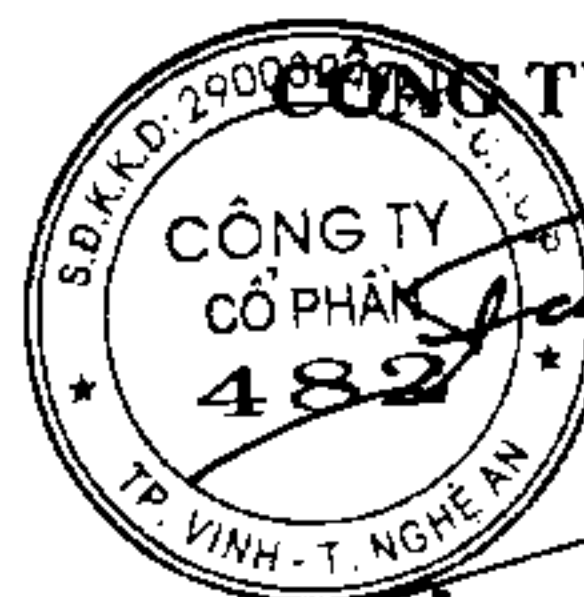
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		811.710.566.345	801.981.645.329
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(772.510.645.698)	(714.201.932.174)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(85.386.138.400)	(68.263.386.181)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(17.335.364.463)	(12.305.154.793)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.222.680.548)	(3.092.385.117)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		65.009.665.934	63.903.762.289
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(35.200.399.241)	(22.001.063.649)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(35.934.996.071)	46.021.485.704
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(17.993.154.724)	(25.806.884.839)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		321.000.000	2.039.999.999
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(2.000.009.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	2.050.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		587.086.309	506.770.872
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(17.085.068.415)	(23.210.122.968)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		285.681.856.979	237.156.419.339
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(224.860.793.903)	(246.106.911.981)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.200.000.000)	(3.600.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		56.621.063.076	(12.550.492.642)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		3.600.998.590	10.260.870.094
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		14.826.738.476	4.565.868.382
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	18.427.737.066	14.826.738.476

Toàn văn báo cáo tài chính được kiểm toán Công ty đăng tải trên Website của Công ty theo địa chỉ: <http://www.Congty482.com.vn>



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Trọng Cẩm